

Số: 54/2024/QĐST-HNGĐ

Hương Trà, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: TDP C, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1994; địa chỉ: TDP C, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Trà M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Trà M trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh H, chị M xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia M1 sinh ngày 28/12/2015, Nguyễn Ngọc Gia B sinh ngày 04/01/2020 và Nguyễn Mẫn N sinh ngày 18/02/2022, hiện các con đang ở với chị M. Hai bên thỏa thuận giao cả ba con cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 9.000.000đ (cháu **M1** 3.000.000đ; cháu **B** 3.000.000đ và cháu **N** 3.000.000đ). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Ngọc H** và chị **Nguyễn Thị Trà M** không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh **Nguyễn Ngọc H** và chị **Nguyễn Thị Trà M** trình bày không có, không yêu cầu.

[6] Về lệ phí toà án: Anh **Nguyễn Ngọc H** và chị **Nguyễn Thị Trà M** phải chịu 300.000 đồng, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Ngọc H** và chị **Nguyễn Thị Trà M** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là các cháu **Nguyễn Ngọc Gia M1** sinh ngày 28/12/2015, **Nguyễn Ngọc Gia B** sinh ngày 04/01/2020 và **Nguyễn Mẫn N** sinh ngày 18/02/2022 cho chị **Nguyễn Thị Trà M** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Ngọc H** cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Ngọc Gia M1** mỗi tháng 3.000.000đ, cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Ngọc Gia B** mỗi tháng 3.000.000đ và cấp dưỡng nuôi con **Nguyễn Mẫn N** mỗi tháng 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản cấp dưỡng nuôi con) mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Anh **Nguyễn Ngọc H** và chị **Nguyễn Thị Trà M** mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0001624 ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, nay không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND p Tứ Hạ, Hương Trà;
- Lưu văn thư;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh